TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG T** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ - ST
Ngày: 28 /06/2021
V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNHUYỆN MƯỜNG T, TỈNH LAI CHÂU

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lò Thị Chiến
Hội thẩm nhân dân: Ông Giàng A Lình, ông Pờ Pó Chừ
Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai Châu.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Lương Gia Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 06 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường T, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021.Về việc xin ly hôn, con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 04 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST- HNGĐ ngày 28/05/2021 của Tòa án nhân dân huyện Mường T, giữa các đương sự:
Nguyên đơn: Chị Lò Thị N - Sinh năm 1993
Địa chỉ: Bản Nậm H, xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu.
Nghề nghiệp: Trồng trọt.
Có mặt tại phiên tòa.
Bị đơn: Anh Lùng Văn B - Sinh năm 1992
Địa chỉ: Khu p 11, Thị trấn Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu.
Nghề nghiệp: Tự do.
Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15 tháng 2 năm 2021, bản tự khai tại Tòa án nhân dân huyện Mường T, nguyên đơn chị Lò Thị N trình bày: Chị kết hôn với anh Lùng Văn B, sinh năm 1992, địa chỉ Khu p 11, Thị trấn Mường T, huyện

Mường T, tỉnh Lai Châu đăng ký kết hôn từ ngày 16 tháng 08 năm 2012 tại UBND xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc, hai vợ chồng anh chị cùng trú tại Khu phố 11, Thị trấn Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Sau khi phát sinh mâu thuẫn chị N về ở với bố mẹ tại bản Nậm H, Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu do công việc nên mỗi người một nơi. Trong quá trình chung sống hai vợ chồng bắt đầu có những sự bất hòa về quan điểm mỗi người một ý, vợ chồng không hợp nhau. Nguyên nhân chính là do quan điểm sống, tính tình không hợp. Mâu thuẫn cuộc sống hôn nhân của hai vợ chồng ngày càng trầm trọng, hạnh phúc không đạt được như ý muốn. Vợ chồng anh chị đã ly thân, ít quan tâm với nhau, nay vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa và không thể hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, do vậy chị Lò Thị N xin được xem xét giải quyết ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống hôn nhân gia đình của chị, hiện nay chị không thể quay lại đoàn tụ, chị N xin được ly hôn với anh Lùng Văn B.

Về con chung: Chị Lò Thị N và anh Lùng Văn B có 01 con chung là cháu Lùng Thanh H, sinh ngày 20/01/2013. Về quyền nuôi con chung: Sau khi ly hôn chị nhất trí theo nguyện vọng của cháu Lùng Thanh H xin được ở với bố. Nhất trí giao con chung cho anh Lùng Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành đủ18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung, mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi con chung Lùng Thanh H trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng. Về quyền thăm con: Chị xin được quyền thăm con, anh B phải tạo điều kiện, không được ngăn cản và sẽ không gây ảnh hưởng xấu cho con.

Về tài sản chung và công nợ: Về tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về công nợ: Không vay mượn của ai, nên không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Bị đơn anh Lùng Văn B vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Tại bản tự khai và biên bản hòa giải không thành: Anh và chị Lò Thị N đăng ký kết hôn từ ngày 16 tháng 08 năm 2012 tại UBND xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở hai bên tự nguyện kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu chung sống hạnh phúc và hiện nay hai vợ chồng vẫn thương yêu nhau. Nhưng chỉ vì một vài mâu thuẫn nhỏ và một số vấn đề quan điểm trong cuộc sống nên Lò Thị N muốn ly hôn. Còn về quan điểm anh B hiện tại vẫn còn yêu thương vợ, do đó anh B không đồng ý ly hôn mong muốn đoàn tụ gia đình. Về con chung: Anh chị xác nhận có 01 con chung là cháu Lùng Thanh H, sinh ngày 20/01/2013. Học sinh - trường tiểu học thị trấn Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, Địa chỉ

tại Khu phố 11, Thị trấn Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Về quyền nuôi con chung: Hai bên tự giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Phát biểu của kiểm sát viên: Về tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án xin ly hôn giữa nguyên đơn chị Lò Thị N và bị đơn anh Lùng Văn B, từ khi thụ lý vụ án và tiến hành các bước về thủ tục tố tụng Tòa đã thực hiện theo đúng quy định pháp luật, Sự vắng mặt của bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, do vắng mặt nhiều lần không có lý do, bị đơn trốn trách không hợp tác để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình tại Tòa, sự vắng mặt của anh B đã gây khó khăn đến việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS để tiến hành xét xử đối với vụ án

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 39 Bộ luật dân sự. khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nghị quyết 326/ 2016/ NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đối với quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị N. Xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Lùng Văn B. Đối với quyền nuôi con chung: Theo nguyện vọng của cháu Lùng Thanh H nếu bố mẹ ly hôn cháu xin được ở với bố là anh Lùng Văn B. Chị N nhất trí ý kiến nguyện vọng của con, nhất trí giao con chung là cháu Lùng Thanh H, sinh ngày 20/01/2013 cho anh Lùng Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Đề nghị HĐXX chấp nhận nguyện vọng của cháu và ý kiến của chị N. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N tự nguyện, nhất trí cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho cháu Lùng Thanh H đến khi đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về tài sản chung và công nợ: Chị N và anh B không có tài sản chung, không vay mượn ai nên không đặt vấn đề giải quyết. Về án phí: Chị N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân và gia đình: Chị Lò Thị N và anh Lùng Văn B là quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc đây là hôn

nhân hợp pháp. Hai bên không hợp nhau do quan điểm của mỗi người một ý không đồng nhất, dẫn đến cuộc sống mỗi người một nơi sống ly thân, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ, ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hạnh phúc không đạt được. Trong thời gian này anh chị không quan tâm, thăm hỏi gì nhau, cũng chẳng có trách nhiệm gì với nhau nữa, xét thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn. Nên chị N đã làm đơn khởi kiện ly hôn.

Xét về sự vắng mặt bị đơn anh Lùng Văn B, trú tại Khu phố 11 Thị trấn Mường T, huyện Mường T, tỉnh Lai Châu. Trong quá trình giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình, anh B luôn vắng mặt không có lý do, hơn nữa không chịu hợp tác về việc giao nhận tống đạt thông báo của Tòa án, Tại hòa giải anh không đồng ý ly hôn với chị N mong muốn được đoàn tụ gia đình, vì anh vẫn còn yêu thương vợ. Về con chung: Hai bên tự giải quyết. Về Tài sản và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến khi đưa vụ án ra xét xử anh B không hợp tác, gây khó khăn cho việc xét xử của Tòa án, nên phải hoãn phiên tòa, HĐXX căn cứ áp dụng điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự để tiến hành xét xử đối với vụ án.

Xét yêu cầu của chị N, tại phiên tòa hôm nay chị N vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn với anh Lùng Văn B với lý do vợ chồng không hợp nhau, hạnh phúc không đạt được, mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không thể đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc yêu cầu ly hôn của chị N là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án chị Lò Thị N và anh Lùng Văn B có 01 con chung là cháu Lùng Thanh H, sinh ngày 20/01/2013. Cháu H có nguyện vọng được ở với Bố, nếu bố mẹ ly hôn. Nguyện vọng của cháu là phù hợp với quy định pháp luật, con chung trên bảy tuổi phải lấy ý kiến của con. Tại phiên tòa chị N nhất trí giao con chung cho anh B chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung chị N tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Lùng Thanh H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung trước ngày 30 hàng tháng. Về quyền thăm con chung, chị N được quyền thăm con chung, anh B phải tạo điều kiện, không được ngăn cản việc thăm con chung, nếu không gây ảnh hưởng xấu cho con. Căn cứ Điều 58;

Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị N và anh B xác nhận tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về công nợ: Chị N và anh B, không vay mượn của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lò Thị N phải 300.000 đồng chịu án phí HNGĐ- ST và 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con. HĐXX căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2017 về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự. Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 267; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều 116; Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Lò Thị N. Xử cho chị Lò Thị N được ly hôn với anh Lùng Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Lùng Thanh H, sinh ngày 20/01/2013 cho anh Lùng Văn B chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lò Thị N có trách nhiệm cấp dưỡng cho Lùng Thanh H mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) cho đến khi cháu H đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con chung trước ngày 30 hàng tháng. Quyền thăm con chung, chị N được quyền thăm con chung, anh B phải tạo điều kiện, không được ngăn cản việc thăm con chung, nếu không gây ảnh hưởng xấu cho con.

3. Về tài sản chung: Chị N và anh B xác nhận tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Về công nợ: Chị N và anh B, không vay mượn của ai, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị N phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/ 2010/0003890, ngày 22/02/2021 của Chi cục thi hành án huyện Mường T, chị N đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình.

- Chị Lò Thị N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án, hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai, lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *Toà án ND tỉnh Lai châu;*
- *VKSND tỉnh Lai châu;*
- *VKSND huyện Mường T;*
- *Thi hành án dân sự huyện Mường T*
- *UBND xã Mường T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

T /M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
Đã ký
Lò Thị Chiến